

LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI MIỀN BẮC

Biên khảo: Lê Anh Dũng

Với lòng tri ân

- Phối Sư Tô Văn Pho
- Nữ Giáo Sư Ngô Thị Bình
- Ông Bà Trần Quốc Luyện - Phùng Thị Mộc Trâm

Cùng một người viết

- Giải Mã Truyện Tây Du
- Con Đường Tam Giáo Việt Nam
- Từ Khởi Nguyên Đến Thế Kỷ Mười Chín
- Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời
- Tiểu Sử Ngô Văn Chiêu
- A Short Biography of Ngô Văn Chiêu
- (song ngữ Việt - Anh)
- Lịch sử Đạo Cao Đài: Thời kỳ Tiềm Ẩn

Lê Anh Dũng

Lịch sử đạo cao đài

Thánh thất Hà Nội

Thành phố Hồ Chí Minh 1993

... phần ai biết được một tài liệu gì về sử cũng có bổn phận phải chép lại bằng cách nào cũng được, miễn thận trọng và thành tâm là quý rồi. Nếu không vậy thì thực khổ tâm cho những người sau muốn tìm hiểu những người đi trước...

Nguyễn Hiến Lê

(1992-1984)

Trích Báo MAI

số 20 ngày 25.4.1961

Và về thể tập sử liệu này được hình thành để góp một phần khiêm tốn trong việc tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử phát triển đạo Cao Đài ở miền Bắc mà cũng để người ngày sau uống nước nhớ nguồn, biết đến những người khai sơn phá thạch đã mở một con đường cho miền viễn.

23.11.1993

Thời kỳ tiềm ẩn của đạo Cao Đài trải từ năm 1920 đến mùng 1 tháng 9 Bính Dần (thứ Năm 07.10.1926), là ngày chính thức ghi trên Tờ khai đạo được gửi đến Thống đốc Nam Kỳ - Le Fol, tuyên bố sự hoạt động công khai của tín đồ Cao Đài¹. Bấy giờ, tuy số tín đồ còn hạn chế, cơ sở hạ tầng của nền Đạo còn quá phôi thai, hầu như chưa có gì, nhưng trước đó một tháng, mùng 1 tháng 8 Bính Dần (thứ Ba 07-9-1926), Đức Cao Đài đã dạy ông Lê Văn Trung phải lo lập thánh thất ở Tây Ninh rồi từ đó sẽ phổ độ rải khắp Nam, Trung và cả Bắc Kỳ. Và đúng nửa tháng sau khi có Tờ Khai Đạo, ngày Rằm tháng 9 Bính Dần (thứ năm 21-10-1926), tại nhà ông Hồ Quang Châu, Đức Cao Đài dạy thêm:

**Từ nay nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà;
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình Ta.²**

Lời dạy ấy chẳng những tiên tri một tương lai hoằng đại của nền đạo mới mà còn thôi thúc, nung chí các bậc tiền khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sớm áp ủ một hoà bão là đem đạo Cao Đài ra phổ độ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Một trong những vị sớm hướng về quê hương miền Trung và miền Bắc là Ông Nguyễn Ngọc Tương³.

1. ÔNG NGUYỄN NGỌC TƯƠNG RA BẮC (1937)

¹ Về thời kỳ tiềm ẩn của đạo Cao Đài, xem Lê Anh Dũng, *Lịch sử Đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn (1920-1926)*, thành phố Hồ Chí Minh 1993.

² *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Toà Thánh Tây Ninh 1964, Quyển I, tr.49.

³ Về tiểu sử Ông Tương, xem Lê Anh Dũng, *sách đã dẫn*, tr.138-142.

Ông Trương sinh trưởng ở làng An Hội, tổng Bảo hựu, tỉnh Bến Tre (1881-1951). Ông nhập môn Cao Đài khoảng hạ tuần tháng Chạp Ất Sửu (thượng tuần tháng 02-1926) trong lúc đang làm chủ quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Ông là người thứ năm ký tên trong danh sách kèm theo Tờ Khai Đạo. Ông được Đức Cao Đài phong chức Chánh Phối Sư phái Thượng ngày 17-5 Bính Dần (thứ Bảy 26-6-1926). Khi Toà Thánh Tây Ninh thành lập tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh năm Đinh Mão (1927), Ông Trương làm chủ quận Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa (1927-1930), một vùng đất nghèo, gần rừng, dựa biển, dân thưa mà phần lớn lại là người dân tộc. Toà Thánh Tây Ninh đã cử Thái Phối Sư Nguyễn Văn Ca thay Ông Trương đảm nhiệm chức Thượng Chánh Phối Sư.

Năm Canh Ngọ (1930) Đức Cao Đài dạy Ông Trương hãy nghỉ việc đòi để về Toà Thánh Tây Ninh hành đạo. Ông chính thức nhận trách nhiệm tại Toà Thánh Tây Ninh vào cuối năm ấy, và văn kiện đầu tiên của Ông Trương gửi đến toàn đạo hữu là Châu Tri số 01 ngày Rằm tháng Chạp (thứ Ba 14-01-1930).

Ông Trương xuất gia ngày 22-3 Tân Mùi (thứ Bảy 09-5-1931). Là người chính trực, ông tự nguyện lập hai văn bản trình Hội Thánh lưu giữ:

- Trong văn bản thứ nhất, Ông Trương xác nhận rằng mảnh đất của Hội Thánh mua để xây dựng Toà Thánh là do tiền của bôn đạo quyên góp, và là tài sản của Đạo. Trên hồ sơ Ông Trương và Bà Lâm Thị Thanh chỉ thay mặt Hội Thánh đứng tên (đứng bộ) với cương vị là Thượng Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư.

- Trong văn bản thứ hai, Ông Trương xác nhận kể từ ngày 09-05-1931 về sau là người xuất gia ông không còn tư hữu gì nữa, cho nên tất cả những giấy tờ nào mang tên ông làm sở hữu chủ bất kỳ một tài sản chi, thì đấy chính là tài sản của Hội Thánh.

Để hợp thức hoá hai văn bản này, Ông Trương đã xin thị thực chữ ký tại cơ quan hành chính làng Long Thành và Toà Bộ tỉnh Tây Ninh⁴

Khi ông Lê Văn Trung (1857-1934) nhận chức Quyền Giáo Tông ngày 17-02 Quý Dậu (Chủ Nhật 12-3-1933), Ông Trương được thăng lên Quyền Thượng Đầu Sư. Cùng dịp này, Ngọc Chánh Phối Sư Lê Bá Trang và Thái Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Thơ cũng được thăng lên Quyền Ngọc Đầu Sư và Quyền Thái Đầu Sư. Nhưng theo Nghị định ngày mùng 3-10 Canh Ngọ (thứ Bảy 22-11-1930) của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch và Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959) thì cả ba ông Trương, Trang, Thơ đều đã được thăng Đầu Sư rồi⁵.

Tại Toà Thánh Tây Ninh, sau lễ nhậm chức Quyền Giáo Tông của Ông Trương khoảng một tháng, đã có nhiều biến động mà khởi đầu chính là cuộc họp mang tên Thượng Hội

⁴ Toà Thánh An Hội, *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Trương*, Sài Gòn 1958, tr.24.

⁵ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Trương*, tr.31.

ngày 22-3 Quý Dậu (Chủ Nhật 16-4-1933) do Quyền Giáo Tông Lê Bá Trang triệu tập, nhằm xem xét việc hành đạo của Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Nhiều sự kiện xáo trộn tiếp tục diễn ra cho đến tháng 3-1934. Ông Tương rời Toà Thánh, về Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa, ẩn tu trên núi Kỳ Vân. Bốn tháng sau, do sự yêu cầu của đạo hữu, ông xuống núi để tìm cách chinh đốn cơ Đạo.

Châu Tri số 3 ngày mùng 2-6 Quý Dậu (thứ Hai 24-7-1933) của ông thông báo việc ông lập văn phòng tạm thời ở hai nơi là Thánh Thất Bình Hoà ở tỉnh Gia Định, và Thánh Thất An Hội ở tỉnh Bến Tre⁶.

Với Châu Tri số 4 ngày 13-6 Giáp Tuất (thứ BA 24-7-1934) lập tại Thánh Thất An Hội, Ông Nguyễn Ngọc Tương cùng Ông Lê Bá Trang thông báo sẽ thành lập Ban Chính Đạo. Ngày 14-10 Giáp Tuất (thứ Ba 20-11-1943), một đại hội triệu tập tại Thánh Thất An Hội chính thức thành lập Ban Chính Đạo bao gồm đại biểu của mười tám tỉnh: Bạc Liêu, Bà Rịa, Bến Tre, Biên Hoà, Cần Thơ, Châu Đốc, Chợ Lớn, Gia Định, Gò Công, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch Giá, Sa Đéc, Sóc Trăng, Tân An, Tây Ninh, Trà Vinh, và Vĩnh Long. Tổng cộng là hai mươi một đại biểu (Bến Tre, Chợ Lớn và Gia Định mỗi tỉnh có hai đại biểu).

Ban Chính Đạo lập xong buổi sáng thì chiều cùng ngày đại hội được điện tín của Toà Thành Tây Ninh báo tin Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) quy liễu.

Hội Vạn Linh được triệu tập từ mùng 8 đến 11 tháng Giêng Ất Hợi (thứ Hai 11 đến thứ Năm 14-02-1935), do Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang chủ toạ. Hội đã bầu Ông Nguyễn Ngọc Tương là Giáo Tông của Hội Thánh Bến Tre, lúc ấy đã có được chín mươi sáu thánh thất trong khi toàn Đạo có một trăm ba mươi lăm thánh thất⁷.

Ông Tương chính thức nhậm chức ngày mùng 7 tháng 4 Ất Hợi (thứ Năm 09-5-1935) tại Thánh Thất An Hội. Đến năm Nhâm Ngọ, đêm 21 rạng 22-02 (thứ hai 06 rạng thứ Ba 07-04-1942), Ông Tương trao việc chương quản cho Hội Thánh để bắt đầu thời kỳ nhập thất, tu tập thiền rốt ráo cho đến giờ Tý đêm 14 rạng Rằm tháng 5 Tân Mão (thứ hai 18 rạng thứ Ba 19-6-1951) thì ông quy tiên, hoàn thành chín năm đại tịnh.

Trong khoảng bảy năm (1935-1942) nắm quyền chương quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Bến Tre, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đã không quên thực hiện hoài bão đem

⁶ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr.34

⁷ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr.48.

đạo Cao Đài ra Trung và Bắc Kỳ. Năm Đinh Sửu (1937), ông đích thân thực hiện chuyến Trung và Bắc du.

Triều đình Huế không chấp thuận cho đạo Cao Đài được hoạt động ở miền Trung. Tại Đà Lạt, Ông Phạm Quỳnh, là quan Ngự Tiễn Văn Phòng của Bảo Đại, đã trao trả ông Trương đơn xin hoạt động hành đạo⁸.

Ở Hà Nội, Phủ toàn quyền Đông Dương tuy không cản trở việc đạo Cao Đài hoạt động ở Hà Nội và Hải Phòng nhưng không có văn bản chính thức cho phép. Toàn quyền Đông Dương bấy giờ là Brévié (1936-1939).

Sự mở đường của Giáo Tông Nguyễn Ngọc Trương tuy chưa được kết quả mỹ mãn trong những bước đầu tiên, nhưng đó là điều kiện để sau này đạo Cao Đài từ Bến Tre truyền được ra Trung và Bắc.

Cùng đi theo Giáo Tông Nguyễn Ngọc Trương trong chuyến Trung và Bắc du ấy có một thanh niên mười tám tuổi, làm thanh đồng cho Giáo Tông. Người đó là Tô Văn Pho, sau này sẽ giữ vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và gìn giữ nền móng của Thánh thất Hà Nội.

ÔNG TÔ VĂN PHO RA BẮC LẦN THỨ HAI (1939)

Thân thế

Ông Tô Văn Pho sinh ngày 25-7 Kỷ Mùi (thứ Ta 20-8-1919) tại làng An hội, quận Châu Thành, tỉnh Bến Tre⁹. Thân phụ là Ông Tô Văn Ký, sinh năm Canh Dần (1890). Thân mẫu là Bà Bùi Thị Tiềm, sinh năm Nhâm Thìn (1892). Song thân Ông Pho đều làm ruộng. Ông là con thứ sáu trong gia đình. Tuy là con trai độc nhất, ông vẫn được song thân chấp thuận cho hiến thân trọn đời hành đạo. Chị thứ tư của ông là Tô Thị Nhiên sau là Giáo sư Hương Nhiên, và em thứ tám là Tô Thị Mão sau là Lê Sanh Hương Mão, cùng hành đạo tại quê nhà Bến Tre.

Với nhiệm vụ là thanh đồng của Giáo Tông, Ông Pho đã có cơ hội theo Ông Trương ra Trung và Bắc Kỳ lần thứ nhất năm Đinh Sửu (1939).

Ra Bắc lần thứ hai (1939)

Hai năm sau chuyến Bắc du của Giáo tông Nguyễn Ngọc Trương, vào cuối năm Mậu Dần (tháng 01-1939), Hội Thánh Bến Tre cử ra Bắc hai chức sắc vừa được phong, đều khoảng ba mươi tuổi, là Ông Nguyễn Văn Cui, Bảo Đức Chơn Quân Hiệp Thiên Đài, và

⁸ Theo Thanh Long Lương Vĩnh Nhật, *Hồi Ký*, Vua Bảo Đại có đạo dụ số 10 rằng: “*Nhất thiết Cao Đài thu tịch bất đắc truyền bá Trung Kỳ*”. (*Tất cả các kinh sách Cao Đài không được truyền bá ở Trung Kỳ*”).

Ông Huỳnh Minh Chur, Lê Sanh phái Thượng. Cùng đi với hai chức sắc này là Ông Tô Văn Pho.

Phố Bạch Mai

Đến Hà Nội, ba ông thuê nhà số 12 ngõ Mai Hương, ở phố Bạch Mai¹⁰, giá ba đồng Đông Dương một tháng¹¹. Trong ngôi nhà này, các ông tạm thời thiết lập Thiên Bàn.

Thánh thất tạm với các nghi lễ Cao Đài thu hút sự chú ý một số công chức hưu trí. Họ đến tìm hiểu rồi dần dần có người xin nhập môn. Sau ba tháng số tín đồ ở phố Bạch Mai đã được gần một trăm người.

Tháng 5-1939 nhà này bị đòi lại vì các ông không còn đủ tiền thuê tiếp. Trong các tín đồ lúc ấy có Bà Vương Thị Tổng, thường gọi là Bà Chánh Tổng, nhà ở số 61 phố Mã Mây.

Phố Mã Mây

Bà Vương Thị Tổng mời các ông dời thánh thất về nhà bà, sắp đặt chỗ cho việc thiết lập Thiên Bàn, cúng kính. Số người xin nhập môn vẫn tiếp tục tăng thêm, đồng thời các tín đồ trước sinh hoạt ở phố Bạch Mai cũng quy tụ về đây.

Mặc dù nhà bà Tổng không hội đủ điều kiện kiến trúc của một thánh thất, ba ông Cui, Chur và Pho vẫn bài trí đủ Thiên Bàn, bàn thờ Hộ Pháp. Khi cúng tứ thời vẫn có được một ban đồng nhi. Tín đồ tại nhà riêng cũng chưa đủ điều kiện để lập Thiên Bàn. Họ đến thánh thất tạm để cúng vào các ngày mùng 1 và Rằm, hoặc các ngày lễ vía, kỷ niệm... Kinh sách lúc bấy giờ có **Kinh cúng Tứ thời, Thánh ngôn hiệp tuyền, Tân luật...**

Về Nam

Đến tháng 7-1939, số tín đồ lên độ hai ngàn người. Hội Thánh Bến Tre đã gây dựng ở thánh thất tạm nơi phố Mã Mây hàng ngũ chức sắc đầu tiên gồm có:

- Ông Phủ Lê Tụng, Giáo sư phái Thượng

⁹ Trên một số văn bản do Thánh Thất An Hội lập, ghi ngày sinh là 18-8-1920. Trên thẻ chứng minh nhân dân cấp tại Hà Nội, Ông Phó khai ngày sinh là 20-8-1919.

¹⁰ Ngoài Bắc gọi *phố* tức là đường ở thị trấn, thành phố, hai bên có nhà cửa.

¹¹ Theo Bernard, *Problème économique Indochinoise*, Paris 1934 (dẫn lại trong Hà Nội: Thủ đô nước CHXH Việt Nam, Hà Nội: Sự thật 1984, tr.108), một tạ gạo ở Hà Nội năm 1931 giá 9,40 đồng; năm 1932 còn 7,50 đồng. Theo Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Sài Gòn: Lửa Thiêng 1970, tr.204, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930 làm gạo mất giá nhanh. Tháng 11-1933 một tạ gạo giá 3,20 đồng. Theo Ông Tô Văn Pho, lúc các ông thuê nhà một tạ gạo giá 1 đồng.

- Ông Phạm Đồng Hưng, chủ đồn điền, Giáo sư phái Ngọc
- Bà Vương Thị Tổng, Giáo sư
- Bà Bé Tý, nhà phố Hàng Bạc, Giáo sư
- Ba vị giáo hữu...

Cũng trong tháng 7-1939, Hội Thánh Bến Tre triệu hồi ba ông Cui, Chur và Pho về Nam.

Phố Hàn Thuyên

Ba ông Cui, Chur và Pho về được khoảng một hai tháng thì sinh hoạt ở thánh thất tạm số 61 phố Mã Mây không còn được thuận lợi. Ông Hoàng Đức Hữu, một nhà thầu khoán, Giáo Hữu phái Ngọc, dời thánh thất tạm về nhà ông ở số 25 phố Hàn Thuyên. Khi về nơi đây số tín đồ lại đông thêm, trong đó phần lớn là các thợ thuyền đang làm công cho ông Hữu.

3. ÔNG PHÙNG VĂN THỚI RA BẮC (1939)

Thân thế (1903-1968)

Ông Phùng Văn Thới sinh tháng 3 Quý Mão (tháng 4-1903) tại làng Thanh Sơn, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Ông thứ bảy và là con trai duy nhất. Thân phụ là ông Phùng Văn Thọ, sinh năm Mậu Thân (1848), tại xã Tân Hội, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, mất ngày 19-9 Kỷ Ty (thứ tư 31-10-1928). Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Út, sinh năm Canh Tuất (1850), mất ngày 21 tháng Chạp Giáp Thìn (thứ Năm 26-01-1905).

Ông Thọ không theo nghiệp đông y của thân phụ (Phùng Văn Trục) mà làm hương chức trong làng hơn ba mươi năm. Khi các con đều thành gia thất, ông Thọ nghỉ việc làng, chỉ giữ chân kế bái lo việc cúng đình.

Ông Thới sớm mồ côi mẹ. Ông Thọ lại chấp nối với bà Nguyễn Thị Long (Đình Mùi 1847- Bính Tý 1936). Năm Tân Hợi (1911), ông Thới học chữ Nho với Hương Hào Mên, người ấp Hoà Sơn, làng Thanh Sơn. ông học tới lớp Nhất, làm thầy giáo làng, lần lượt mở lớp ở Trà Tân và Phú Túc. Năm Nhâm Tuất (1922), ông kết hôn với bà Phan Thị Phó, tự là Giác, là con gái ông đại điền chủ Phan Văn Cậy. Bà sinh năm Giáp Thìn (1904), tại xã Hữu Đạo, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, mất năm Ất Hợi (1935). Bà Phó là dâu, rất có hiếu với cha chồng, ông Thọ bị bệnh yết hầu (1927), bà Phó về bên nhà chồng tận tụy săn sóc cho đến khi ông Thọ từ trần (1928).

Hai ông bà Phùng Văn Thới chỉ có một gái duy nhất là Phùng Thị Mộc Trâm, sinh ngày mùng 5-11 Quý Hợi (thứ Tư 12-12-1923) tại xã Hữu Đạo, quê mẹ (ông Thới sống bên vợ, dạy học).

Nhập môn Cao Đài (1927)

Năm Đinh Mão (1927) các ông Lê Văn Trung và Nguyễn Ngọc Tương về quận Cai Lậy lập đàn cơ phổ độ trong vùng. Ông Thới đã nhập môn và độ được thân phụ (Phùng Văn Thọ) vào Đạo. Ông Thới lại hiệp sức cùng nhạc phụ (Phan Văn Cây) thành lập thánh thất ở làng Hữu Đạo, quê vợ.

Rằm tháng 6 Đinh Mão (thứ Tư 13-7-1927) nơi đàn Cây Mai (Chợ Lớn), trong một đàn cơ với cặp đồng tử âm dương là các ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức, Đức Lý Thái Bạch phong cho ông Thới làm Lễ Sanh phái Thượng.

Hành đạo ở Nam Kỳ (1927-1938)

Hội Thánh Tây Ninh cử ông Thới làm Đầu Quận Đạo của hai quận Cai Lậy và Vĩnh Kim, cai quản Thánh Thất Hữu Đạo với khoảng bảy ngàn tín đồ. Ông Thới còn phụ giúp Giáo sư Thái Cây Thanh (nhạc gia Phan Văn Cây) trong việc quản trị đạo sự các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên và đảo Phú Quốc (khoảng bảy năm). Lúc ấy ông cậy là Đầu Tỉnh Đạo của các nơi này.

Sau Hội Vạn Linh (tháng Giêng Ất Hợi, tháng 02-1935), ông Thới về với Thánh Thất An Hội (Hội Thánh Bến Tre). Ông được cử làm Đầu Tỉnh Đạo Châu Đốc. Mùng 8-4 Bính Tý (thứ Năm 28-5-1936) ông thăng Giáo Hữu. Rằm tháng 10 Đinh Sửu (thứ Tư 17-11-1937) nhận chức Nội Viện trưởng. Mùng 8-7 Mậu Dần (thứ Năm 01-9-1938) thăng Giáo sư.

Hành đạo ở Trung Kỳ (1938-1939)

Mùng 9-8 Mậu Dần (Chủ nhật 02-10-1938), ông Thới nhận chức Ngoại Viện Trưởng, ra Trung hành đạo, văn phòng ở tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 21-02 Kỷ Mùi (thứ hai 10-4-1939), ông ra Trung lần thứ hai, đi khắp các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, Hà Tĩnh, Nghệ An...

Hành đạo ở Bắc Kỳ (1939-1948)

Phố Chùa Vua

Ngày 27-10 Kỷ Mão (thứ Năm 07-12-1939) Hội Thánh Bến Tre cử ông Phùng Văn Thới ra Bắc, tức là sau khi các ông Nguyễn Văn Cui, Huỳnh Minh Chur và Tô Văn Pho đã rời khỏi Hà Nội về Nam gần bốn năm tháng.

Lúc mới ra, ông Thới ngụ tại nhà ông Hoàng Đức Hữu, số 25 phố Hàn Thuyên. Khoảng năm sau (1940), với số tiền một ngàn đồng Đông Dương do Hội Thánh tài trợ, ông Thới mua một căn nhà ở khu phố Chùa Vua để dời thánh thất từ phố Hàn Thuyên

về đây. Chùa Vua tức là Thiên Đế Điện, nay vẫn còn, nằm ở khu thương mại sầm uất, một chợ trời tại góc phố 332 và phố Thịnh Yên, thuộc phường Phố Huế.

Phố Duvigneau

Ông Thới ở phố Chùa Vua khoảng tám tháng thì nơi này có lịch phải giải toả để chỉnh trang đô thị. Với số tiền được chính quyền bồi thường, ông Thới mua hai căn số 96-98 phố Duvigneau để làm thánh thất. Phố này sau đổi tên là Nguyễn Thị Minh Khai, rồi Bùi Thị Xuân.

Lúc này, bên cạnh ông Thới đã có con gái là Mộc Trâm, được ông đón ra Hà Nội vào năm 1940, lúc dọn về chùa Vua. Kê thất Lê Thị Đáo (1909-1962) và hai con trai có với bà Đáo là Phùng Ngọc Ân (sinh năm 1934) và Phùng Quang Lộc (sinh năm 1937) vẫn còn ở miền Nam.

Trung tuần tháng 3 Canh Thìn (tháng 4-1940) ông Thới thăng Phối sư.

Rằm tháng 10 Bính Tuất (thứ Sáu 08-11-1946), Phối sư Thới thiết lễ cầu siêu cho các anh hùng liệt sĩ. Dịp này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thánh thất ở phố Duvigneau để dự lễ.

Thư của Chủ tịch Quốc hội Tôn Đức Thắng

Năm thứ hai của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 07 tháng 11 năm 1946, công văn số 30QH của Toàn Quốc Đại Biểu Đại Hội, Chủ tịch Quốc hội gửi Phối sư Phùng Văn Thới như sau:

Kính gửi: Phối sư Phùng Văn Thới

kiêm Ngoại Viện Trưởng đạo Cao Đài Bắc Bộ Thánh thất Hà Nội

Thưa Phối sư

Kính phúc thư số 16 ngày 4 tháng 10 năm 1946 của Phối Sư yêu cầu Quốc hội nhìn nhận đạo Cao Đài là chính thức, chúng tôi xin có mấy lời trân trọng để Phối Sư biết rằng:

1- Quốc hội rất hoan nghênh tinh thần ái quốc của đạo Cao Đài.

2- Quốc hội trong phiên họp gần đây đã thông qua điều thứ 10 trong bản dự án Hiến pháp Việt Nam, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng của công dân được công nhận.

Như thế là đạo Cao Đài được tự do hoạt động như các đạo khác.

Nay kính

Tôn Đức Thắng

(Chữ ký + con dấu)

Hà Nội, tháng 12-1946

Tình hình Hà Nội những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945) rất phức tạp. Hiệp định Sơ bộ được ký ngày 06-3-1946 tại Hà Nội giữa Chính quyền Cách mạng và Pháp để làm cơ sở chính thức cho việc đàm phán giữa hai bên. Nhưng Pháp vẫn tiếp tục khiêu khích với mức độ ngày càng gia tăng, nhất là từ tháng 4-1946. Tạm ước 14-9-1946 lại được ký giữa hai bên Việt - Pháp, nhưng không khí chính trị vẫn tiếp tục căng thẳng hơn, báo hiệu một cuộc chiến tranh sắp sửa bùng nổ.

Đến đầu tháng 12-1946 tình hình càng xấu hẳn đi, khởi sự với việc Pháp phá phòng thông tin của người Việt ở phố Tràng Tiền trong hai ngày 02 và 03. Ngày 07 Pháp chiếm đóng Ngân hàng Pháp Hoa. Hôm sau, từ sáng Pháp cho máy bay thám thính trên vòm trời Hà Nội. Xe ủi đất của họ san bằng các ụ đất của quân tự vệ ở hai phố Lò Đúc và Hàng Bún. Họ lại dàn quân từ Cửa Bắc đến cầu Long Biên. Trụ sở công an Hàng Đậu bị bao vây, khu nhà dân ở Trúc Bạch bị đốt. Đại bác bắn vào phố Hàng Bún. Ngày kế, 09-12, trụ sở công an Hàng Đậu lại bị bao vây. Nha Tài chính bị chiếm. Ngày 18, Pháp đòi tước vũ khí của quân tự vệ và công an, đòi nắm lại việc trị an của Hà Nội kể từ ngày 20-12.

Mười giờ đêm thứ Sáu, 19, Hà Nội bị cúp điện, để làm hiệu lệnh cho quân cách mạng nổ súng. Hôm sau Hà Nội được loan báo lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những ngày sau đó dân chúng Hà Nội bắt đầu tản cư¹².

Thánh thất Đặng Giang

Phối Sư Thới cũng theo làn sóng người tản cư rời Hà Nội, đi về làng Đặng Giang, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông, tạm cư ngụ tại nhà ông Đặng Văn Khanh (hay Nguyễn Khanh?), là giáo viên ở địa phương. Ông Khanh sau là Lê Sanh, nhà của ông trở thành Thánh Thất Đặng Giang. Sau này, khi chiến tranh về tới Đặng Giang, ông Khanh trong một trận càn của Pháp đã bị bắt, tra tấn dã man, thi hài bị Pháp thả trôi sông!

Cách làng Đặng Giang một con sông là làng Trinh Tiết, phủ Mỹ Đức, Hà Đông. Ở làng Trinh Tiết có nhà ông Hương mã, được dùng làm nơi liên lạc của tín đồ Cao Đài.

Khi tản cư, ông Thới đem theo con gái là Mộc Trâm và một thanh niên là Trần Luyện.

Trần Luyện

Ông Luyện sinh vào giờ Ngọ ngày mùng 4 tháng 02 Canh Thân (thứ Ba 23-3-1920) tại làng Tư Phú Đông, tổng Đa Hoà, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Ngọc. Thân phụ là Trần Hữu Lang (1885-1934), tự Trần Phú Thoá, tục gọi Đội Lang nguyên

¹² Hà Nội: Thủ đô nước CHXHCN Việt Nam, Nhà xuất bản Sự Thật, 1984, trang 142-154.

là quân đội võ công đô úy tỉnh Bình Định. Thân mẫu là Trần Thị Kiệt (1884-1946), người làng Thanh Châu, phủ Duy Xuyên.

Thưở nhỏ ông Luyện phải theo cha đi nhiều nơi vì công vụ. Ông học qua các trường ở các huyện Bình Khê, Phù Cát, Bồng Sơn (1929-1932). Học trung học ở tỉnh Quy Nhơn (1933-1935), được nửa năm đệ Nhị niên thi bỏ học, ham mê phù phép thần bí, theo bạn bè đi khắp chốn núi non, từ Trung vào đến cả Đà Lạt, Biên Hoà, Sài Gòn, Chợ Lớn. Năm 1935 theo mẹ về quê thi bị sót rớt. Dịp này Ông Luyện gặp Ông Bạch Hồ (Trần Quang Châu) là một trong những nhân vật nòng cốt của cơ đạo miền Trung. Ông đã nhập môn Cao Đài tại Thánh Tịnh Thanh Quang tỉnh Quảng Nam¹³ vào năm Bính Tý (1936). Từ đó, ông Trần (Quốc) Luyện hăng say tu học, hành đạo, theo chân các bậc đàn anh ở Quảng Nam như các ông Nguyễn Quang Châu, Huỳnh Công Trác... đi khắp các nơi : Đại Bường, Trung Bình, Trung Lộc, Quế Sơn, Đông An, Đại Tráng, An Tráng, Hội An...

Năm Bính Tý (1936), các ông Huỳnh Ngọc Trác và Trần Nguyên Chất quyết định gởi một số thanh niên ưu tú của cơ đạo miền Trung đi học hỏi thêm. Trong số được gửi ra Hà Nội có Trần Nguyên Chí, thụ giáo với ông Thiệu Chử Nguyễn Hữu Kha. Riêng Ông Trần Luyện được gửi ra Huế học tiếp chương trình trung học. Ông Luyện trọ tại Gia Hội, học trường Phú Xuân (1937-1939). Ngoài giờ đi học ông nhận dạy kèm tư gia. Mùa hè, nhân lúc bãi trường, ông về Quảng Nam hăng say hành đạo cùng các đàn anh ở Thánh Tịnh Thanh Quang.

Tháng 9-1940, các ông Huỳnh Ngọc Trác (sau này đắc đạo, **quả** vị Liễu Tâm Chơn Nhơn) và Trần Nguyên Chất lại gửi ông Luyện ra Hà Nội, học chữ Hán và giáo lý đạo Phật với ông Thiệu Chử, tác giả Hán Việt Tự Điển xuất bản năm 1942 do nhà in Đuốc Tuệ, số 73 phố Richaud, Hà Nội.

Nguyên năm 1934 Hội Phật Học Hà Nội được thành lập, trụ sở ở chùa Quán Sứ, có nhà in riêng ở đây, và cũng mang tên Đuốc Tuệ, cùng tên với tạp chí nghiên cứu Phật học là cơ quan ngôn luận của Hội này. Ông Thiệu Chử là một cây bút xuất sắc của Hội, dịch giả Khoá Hư Lục của Vua Trần Thái Tông (121801277)... Các thanh niên đất Quảng như Trần Nguyên Chí, Trần Luyện đã ở chùa Quán Sứ, vừa học với ông Thiệu Chử, vừa sửa bản in giúp việc cho nhà in Đuốc Tuệ...

Đầu năm 1941, Ông Luyện học tiếng Nhật với ông Bùi Như Uyên ở phố Hàng Bè. Khi chánh phủ Trần Trọng Kim được thành lập, ông Luyện làm chánh văn phòng, phụ trách

¹³ Thánh Tịnh này ở làng Kỳ Lam, phủ Điện Bàn nay là huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau đổi là Thánh Thất Thanh Quang.

dịch tiếng Nhật cho Bác sĩ Trần Đình Nam (1896-1974) lúc ấy là Bộ Trưởng Bộ Nội vụ¹⁴.

Sau cách mạng tháng Tám (19-8-1945), Ông Trần Trọng Kim (1882-1953) từ chức Thủ Tướng. Nội các của nhà học giả uy tín - tác giả bộ Nho Giáo hai quyển rất nổi tiếng - **tan rã**. Ông Luyện rời Hà Nội về Kim Luông và đến tháng 11 năm này ông trở về quê làng Tư Phú.

Tháng 01-1946, Ông Luyện theo các ông Thanh Long Lương Vĩnh Thuật và Huỳnh Thanh ra Hà Nội để gặp các ông Trần Huy Liệu (1901-1969) và Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947). Ông Liệu lúc ấy là Bộ Trưởng Bộ Tuyên Truyền trong Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà - ông đã cùng các ông Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận, tức nhà thơ Huy Cận tác giả Lửa Thiêng, đã vào Huế tiếp nhận ấn tín khi Vua Bảo Đại thoái vị sau Cách mạng Tháng Tám.

Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng là người làng Thanh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, tỉnh Quảng Nam. Năm 1946 được Chủ Tịch Hồ Chí Minh mời giữ chức Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ trong chính phủ Liên hiệp kháng chiến Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Cùng năm này, khi Chủ Tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, Ông Kháng được tin nhiệm giữ chức Quyền Chủ Tịch nước. Ông còn là đặc phái viên của chính phủ lại Liên Khu 5 (Trung Bộ). Ông bệnh và mất tại Quảng Ngãi ngày 21-4-1947. Ngày 29-4-1947 Chủ Tịch Hồ Chí Minh chính thức tuyên bố tổ chức quốc tang¹⁵.

Sau cuộc tiếp xúc với hai Bộ trưởng này, lập trường đạo Cao Đài được đăng trên báo Cứu Quốc. Ông Trần Luyện ở lại Hà Nội, tại Thánh Thất Hà Nội số 96-98 phố Duvigneau với Phối Sư Thới. Ông Luyện cùng các thánh thất thuộc Hội Thánh Tây Ninh ở phố Hàng Than và Hàng Bè lập ra Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài Trung Bắc Việt Nam.

Tháng 7-1946, Ông Luyện cùng Phối Sư Thới tham gia ban liên lạc tôn giáo của Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành và Cao Đài. Chủ tịch là Sư Thích Đại Nguyên, trụ trì chùa Bà Đá, nên trụ sở của ban liên lạc cũng đặt nơi chùa này. Phó Chủ tịch là Linh Mục Trần Đình Nam, Tổng thư ký là ông Trần Luyện. Các uỷ viên có Phối Sư Thới, Linh Mục Hồ Văn Vui (Thiên Chúa Giáo), cùng các mục sư Âu Đăng Trình, Lê Văn Hưu (Tin Lành)...

¹⁴ Bác sĩ Nam là ng-êi Quảng Nam, đã viết Chiếu Thoái Vị cho Vua Bảo Đại năm 1945. Sau đó ông tham gia kháng chiến, làm bác sĩ bệnh viện dân y tỉnh Quảng Nam. Sau Hiệp Định Geneve 1954 Ông Nam ở lại miền Nam, làm việc và mất ở Đà Nẵng, là ng-êi có khí tiết, yêu nước.

¹⁵ Nguyễn Quốc Thắng, Huỳnh Thúc Kháng : Tác phẩm, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1992, tr21-22.

Ông Luyện đã hứa hôn với Cô Mộc Trầm trong năm 1946. Do đó, khi Phối Sư Thới tản cư về làng Đặng Giang, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông, Ông Luyện đã theo cùng Ông Thới và Cô Mộc Trầm, người mà sau khi hồi cư về Hà Nội đã cùng ông lập hôn thú tại Toà Thị Chính Hà Nội ngày 24-4-1948. Trong lúc ở làng Đặng Giang Phối Sư Thới tham gia phong trào bình dân học vụ, mở được bốn lớp và Ông Luyện cũng tham gia giảng dạy.

Thánh Thất Hà Nội dời về phố Hoà Mã (1948)

Ngày 10-11-1947, theo làn sóng người hồi cư ngày càng đông¹⁶, các ông Thới, Luyện và Cô Mộc Trầm rời làng Đặng Giang trở về Hà Nội.

Ngôi nhà cũ số 96-98 phố Duvigneau trải qua cuộc chiến cũng có hư hỏng. Bấy giờ phố Hoà Mã (rue Amiral Sénes) có một biệt thự của các cựu công chức Bưu Điện Hà Nội, dùng làm trụ sở Hội Ái Hữu của họ. Năm 1945, Hội này tan rã và biệt thự bị bỏ phế trong những năm chiến tranh. Toà Thị Chính Hà Nội cho Phối Sư Thới thuê lại biệt thự này với giá năm mươi đồng Đông Dương một tháng. (Hai căn ở phố Duvigneau dùng để ở).

Lúc dời thánh thất về đây, biệt thự còn là ngôi nhà gạch, không có lầu. Diện tích toàn bộ mặt bằng hơn bốn trăm thước vuông, trong đó khoảng sáu mươi thước vuông dành làm Bưu Điện¹⁷.

Lần hồi bốn đạo quy tụ lại thánh thất mới ở phố Hoà Mã. Ngoài Phối Sư Thới có thể kể đến :

- Giáo Hữu Lê Văn Thung, phái Thái, đầu bếp riêng gia đình Ông Lê Cửu.
- Giáo Hữu Hoàng Đức Hữu, phái Ngọc, thầu khoán
- Lễ Sanh Trần Văn Hợi, phái Ngọc, thợ mộc
- Nữ Giáo Sư Vương Thị Tổng
- Nữ Giáo Hữu Nguyễn Nguyệt Tiếp
- Tín đồ : Trần Văn Vy, Hoàng Đức Hải¹⁸...

¹⁶ Cuộc kháng chiến lúc ấy chưa kết thúc nhưng đã có người hồi cư. Đến năm sau (1948) thì dân ngoại thành đã về gần hết, nội thành đã có tới mười lăm vạn dân. (Hà Nội : Thủ Đô Nước CHXHCN Việt Nam, Sự Thật 1984, tr.163)

¹⁷ Khi lập thánh thất ở phố Hoà Mã còn giữ được thánh tượng Thiên Nhân, một Thiên Bàn và một quả chuông đồng. Quả chuông hiện nay vẫn còn, để ở Bưu Điện trên lầu một. Thiên Bàn cũ này dùng làm bàn thờ ở Báo Ân Từ, tầng trệt. Thánh tượng Thiên Nhân cũ lâu năm giấy đã mục. Nguyên tháng 01-1939, khi ra Hà Nội, các ông Nguyễn Văn Cui, Huỳnh Minh Chư và Tô Văn Ph đã thỉnh từ Thánh Thất An Hội (Bến Tre) ra. Năm 1975 ông Tô Văn Ph vào Thành Phố Hồ Chí Minh thỉnh bức thánh tượng được hoạ mới mang về Hà Nội. Chiếc khung gỗ hiện nay vẫn là khung của thánh tượng cũ tạo tác năm 1939. Năm 1984 Ông Ph cho cải tạo hàng hiên bên trái Bưu Điện (nằm theo phố Thi Sách) để làm Báo Ân Từ. ngày 24-02 Tân Mùi (Thứ Hai 08.04.1991) lạc thành Bưu Điện mới ở lầu một. Bên dưới nguyên là Bưu Điện đôi làm Báo Ân Từ. Báo Ân Từ cũ thì đổi lại làm phòng nghỉ cho khách nam phái. Phòng họp nằm bên phải Báo Ân Từ, cách vỉa hè phố Hoà Mã một sân nhỏ.

4. Ông Tô Văn Pho ra Bắc lần thứ Ba (1949)

Phối Sư Phùng Văn Thới về Nam

Phối Sư Thới rời miền Nam năm 1939. Năm sau con gái là Mộc Trầm cũng ra Hà Nội. Ở quê nhà còn lại kẻ thất và hai con trai còn nhỏ tuổi. Bật tin nhà đã lâu, nên dù xin phép Hội Thánh Bến Tre về mà chưa được chấp thuận, ông Thới vẫn đáp máy bay dân sự của hãng hàng không Air France về tới sân bay Tân Sơn Nhất khoảng năm giờ chiều Chủ Nhật 02-5-1948. Trước lúc rời Hà Nội, ông đã thế chấp hai căn 96-98 phố Duvigneau để có tiền về quê. Năm sau con gái cũng về. Ông Luyện còn ở lại Hà Nội đến tháng 6-1952 mới vào Sài Gòn.

Việc ông Thới bỏ Thánh Thất đi tản cư, mấy lần đổi nhà... tạo ra một dư luận không có lợi cho ông khi về Thánh Thất An Hội. Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương còn đang trong thời gian biệt cư nhập đại tịnh nên ông Thới không có điều kiện trực tiếp giải trình với người chương quản cao nhất của Hội Thánh Bến Tre để tìm được sự thông cảm. Gia sự thì ngổn ngang, kẻ thất đã sang ngang, hai con trai phiêu bạt, may mà sớm đoàn tụ được. Nhưng trong chỗ phiền muộn và thất vọng, bị mất niềm tin ở đồng đạo, ông Thới về quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, không trở ra Hà Nội mà cũng chẳng làm việc cho Hội Thánh Bến Tre trong bốn năm¹⁹.

¹⁸ Ông Hải là con trai ông Hoàng Đức Hữu, năm ấy khoảng ba mươi tuổi, rất nhiệt tâm hành đạo. Khi ông Tô Văn Pho từng lĩnh Hội Thánh Bến Tre ra Bắc lần thứ ba (Kỷ Sửu 1949), ông Hoàng Đức Hải được phong chức Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài. Tuy nhiên, ông chỉ thừa hành nhiệm vụ này trong khoảng sáu tháng thì Hội Thánh ngưng chức khi ông Hải bộc lộ xu hướng mượn đạo Cao Đài làm lợi thế cho cá nhân ông trong các mục tiêu hoạt động chính trị. Thánh Thất Hà Nội ở phố Hoà Mã lạc thành năm 1948. Lúc này báo Vì Dân có mời ông Thới làm Hội Trưởng Ban Cứu Tế Xã Hội.

¹⁹ Ông về Mỹ Tho lúc năm giờ sáng 12-5-1948. Khi giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương quy tiên (Tân Mão, 1951) thì năm sau ông Thới trở lại Thánh Thất An Hội, nhận một nhiệm vụ gọi là thanh tra kiểm soát. Nhưng mối quan hệ của ông với một số chức sắc ở Hội Thánh không được suôn sẻ lắm nên ông lại phải lên Sài Gòn.

Bấy giờ ở số 221 bên Vân Đồn, làng Vĩnh Hội, Quận 4 có chùa Minh Tân (Tam Giáo Điện), là văn phòng của tổ chức Cao Đài Quy Nhứt do bác sĩ Cao Sĩ Tấn sáng lập để vận động các chi phí Cao Đài hiệp nhứt hành đạo. Các vị chương quản (hội trưởng) lần lượt là: Cao Sĩ Tấn (1949-1950), Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài (1950-1953), Nguyễn Phan Long (1953-1954), Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu (1954-1954-1958), Huệ Đức Nguyễn Văn Phùng (1958-1961)... Phối Sư Thới làm chương quản (1961-1963) khi tổ chức này đã đổi tên từ Cơ quan Điều Động Cao Đài Thống Nhất (1935) thành Cao Đài Liên Phái (1961)... Tháng 5-1961 ông Thới đi Bạc Liêu vận động Hội Thánh Hậu Giang (phái Minh Chơn Đạo của hai ông Trần Đạo Quang và Cao Triều Phát). Từ Bạc Liêu đi tắc ráng vào Thánh Thất Ngọc Sắc khoảng hai mươi cây số. Đến nơi, ông Thới liền bị du kích bắt đưa về giam ở rừng đước Cà Mau. Người đồng hành tên Nguyễn Văn Khiêm (quê Cần Giuộc) được thả. Khoảng giữa năm 1963, ở Hà Nội ông Tôn Đức Thắng biết được sự việc nên ra lệnh phải thả.

Năm Đinh Mùi (1967) ông Thới bị ung thư cổ họng, điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy. Ông tạ thế lúc năm giờ sáng ngày Rằm tháng Chạp Đinh Mùi (Chủ Nhật 14-01-1968). Tang lễ tổ chức tại Thánh Thất Trung Minh (của Hội Thánh Truyền Giáo), số 235 đường Bình Thới, Chợ Lớn. An táng tại nghĩa trang của họ đạo Trung Minh ở xóm Cầu Tre, Chợ Lớn.

Ông Tô Văn Pho trở lại Hà Nội

Tháng 5-1948 Phối Sư Thới về luôn trong Nam. Bảy tháng sau Hội Thánh Bến Tre quyết định cử Ông Tô Văn Pho ra thay. Chuyến đi này như một thiên mệnh đã biến người con xứ Bến Tre mộc mạc trở thành người đất Hà Thành văn vật, cũng như đã gắn liền cuộc đời ông với bao thăng trầm của Thánh Thất Hà Nội, của cơ đạo miền Bắc mà trải qua bao cơn binh lửa tàn khốc, cái con người có tầm vóc hơi nhỏ thấp ấy đã vững vàng trụ lại giữa lòng Hà Nội tan tác đạn bom, cùng dần thân với thị dân ba mươi sáu phố phường, sống hoà đời hợp đạo để bằng nghị lực và sáng suốt, giữ gìn và phát triển Thánh Thất Hà Nội cho đến ngày thanh bình đất nước hai miền nối liền một dải.

Chuẩn bị trở lại Hà Nội

Những ngày cuối năm Mậu Tý (1948), Hội Thánh Bến Tre đã chuẩn bị một số điều kiện để ông Pho trở lại đất Bắc hợp với quyền pháp.

- Đạo Lệnh ngày 18-11 (thứ Bảy 18-11-1948) chung cho Văn Phòng Cứu Viện (số văn thư 32) và Văn Phòng Tổng Lý Nội Lễ Hoà (số văn thư 26), do Chính Phối Sư Ngọc Đồi Thanh thay mặt Hội Thánh Bến Tre và do Giáo Sư Ngọc Núi Thanh Quản lý Nội Viện ký, viết rằng :

Vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông (cách ở Bến Tre gọi Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương) và chấp thuận lời xin của Họ Đạo Hà Nội, Hội Thánh phái em Thanh Đồng Tô Văn Phong sanh ngày 18 Aout 1920 đến Hà Thành giúp chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cứu Trùng Đài lo chấn chỉnh và nâng đỡ đức tin Họ Đạo Hà Nội và các vùng kế cận, nhất là lo sắp đặt sự thờ phụng cúng kính và dạy tập lễ đồng nhi, y theo nghi tiết đương thi hành nơi Thánh Thất An Hội Bến Tre.

Phải siêng năng sốt sắng lo làm cho tròn phận sự mà lập thêm công quả.

Lên tàu ra Hải Phòng

Mùng 3 tháng Chạp Mậu Tý (Thứ Bảy 01-01-1949), ông Pho một mình lên tàu thủy ra cảng Hải Phòng. Năm ngày sau, đến nơi vào buổi sáng. Ông đặt chân đến Thánh Thất Hà Nội số 48 phố Hoà Mã đúng lúc nơi đây đang cúng thời Ngọ.

Công việc đầu tiên của ông Pho là đi thăm bốn đạo, củng cố lại tinh thần hành đạo của mọi người, duy trì sinh hoạt bình thường của một thánh thất.

Một số văn bản liên quan

Ngày 25-11 Mậu Tý (Thứ Bảy 25-12-1948) Hội Thánh đã thăng Lễ Sanh Tô Văn Pho lên Giáo Hữu. Nhưng không rõ vì lý do nào Đạo Lệnh chính thức mãi đến tháng 4 năm sau mới gửi ra Hà Nội.

Sau khi ông Pho đã đến Thánh Thất Hà Nội, có một số văn bản khác được gửi ra :

- Ngày 10-02 Kỷ Sửu (Thứ Tư 09-03-1949) bằng văn thư số 295, Văn Phòng Cửu Viện Hội Thánh Bến tre có Giấy Chứng nhận như sau (Năm Đạo thứ 24) :

“Tiếp theo Đạo Lệnh số 32 ngày 18-11-1924 (18 Décembre 1948) cho Thanh Đồng Tô Văn Pho 29 tuổi giúp Đạo Bắc phần, lãnh thêm phận sự : Giúp Giáo Sư Thượng Tụng Thanh Đầu Họ Đạo Bắc phần Việt Nam, kể từ ngày ban truyền giấy chứng nhận này.

“Phải siêng năng sốt sắng lo thi hành cho tròn phận sự”.

- Đạo Lệnh ngày 18-3 Kỷ Sửu (Thứ Sáu 15-4-1949) chung cho Văn Phòng Cửu Viện (số văn thư 114) và Văn Phòng Tổng Lý Nội Lễ Hoà (số văn thư 80) do Chánh Phối Sư Ngọc Đồi Thanh và Giáo Sư Ngọc Núi Thanh Ký, viết rằng :

“Cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh lãnh phận sự thay mặt Hội Thánh hiệp với Đầu Họ Đạo Bắc phần Việt Nam và Đầu Họ Đạo Hà Nội với chức sắc Hiệp Thiên Đài lo thăm viếng đạo hữu, nâng đỡ đức tin của mỗi người, phổ độ thêm người vào Đạo và nhắc nhở hết thầy trong Đạo, chức sắc với đạo hữu từ lớn chí nhỏ, phải lo thi hành luật lệ của Hội Thánh đã ban hành và sẽ ban hành, nhất là phải thuộc lòng Kinh tứ Thời, Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy... Phải thông hiểu thánh ngôn của Thầy và các đảng thiêng liêng, những tuyên ngôn của Đức Lý Giáo Tông (ám chỉ Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương) và các Châu Tri dạy đạo đã ban hành.

“Phải để trọn tâm lòng mà lo thi hành cho tròn phận sự”.

- Đạo Lệnh ngày 22-3- Kỷ Sửu (Thứ Ba 19-4-1949) chung cho Cửu Viện và Tổng Lý Nội Lễ Hoà, số 119 và số 83, do Ngọc Chánh Phối Sư Lê Minh Đồi và Giáo sư Ngọc Núi Thanh ký :

“Vâng mạng lệnh Đức Lý Giáo Tông (ám chỉ Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương) số 13 ban ra ngày 11 tháng 3 năm Kỷ Sửu (8 Avril 1949).

“Thăng thưởng : Lê Sanh Tô Văn Pho 30 tuổi, ở làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre, lên chức Giáo Hữu phái Thượng kể từ ngày ban truyền Đạo Lệnh này.

“Phải siêng năng sốt sắng lo hành đạo lập công cho xứng phẩm vị mình”.

Thư ông Nguyễn Ngọc Tương gửi ông Pho

Ngày 02 tháng Chạp Kỷ Sửu (thứ Năm 19-01-1950) có thư của ông Tương gửi ra (người khác viết giúp, vì ông Tương đang tịnh) :

“Em Sáu,

Ông gần ra tịnh. Những người thiết tu hành, thiết trung thành với Hội Thánh Bến Tre, siêng năng sốt sắng lo làm phải làm lành, lập đức bồi công hằng bữa, hết lòng hết dạ lo giúp Đạo, thiết tình khắng khít bên cạnh Ông, thì sẽ bị khảo nội, khảo ngoại càng ngày càng thêm nhiều cho đến chừng ông ra tịnh mới hết. Hễ khảo nhiều chừng nào thì công quả nhiều chừng nấy, nếu không thờ than thôi chí.

Vậy em cố giữ đức tin cho thiết mạnh mẽ luôn luôn cho bền chặt vững vàng; ai có kiếm điều làm nhục nhã, ai có mắng nhiếc hăm dọa, ai có muốn làm thiệt hại cho em thế nào thì cũng đừng giận đừng buồn, đừng nao núng sợ sệt. Dầu có bị đau ốm gầy mòn thương thân thương thể cho mấy đi nữa cũng đừng sầu thảm ngả lòng mà lãng lợ việc đạo, mà hao mòn âm chất.

Em nên tin chắc hẳn rằng người thiết quên mình lo giúp đạo tức là làm việc cho Thầy thì có thần thánh ủng hộ luôn luôn, dầu việc hung cho thế mấy đi nữa cũng hoá ra kết được”.

Bến Tre, ngày 2 tháng 12 - 25 Kỷ Sửu

Năm Canh Dần (1950)

Một Đạo Lịnh ngày mùng 4-10 (thứ Hai 13-11) chung cho Văn phòng Cửu Viện (số văn thư 257) và Văn phòng Tổng Lý Nội Lễ Hoà (số văn thư 164) đồng có chữ ký của Thái Chánh Phối Sư Chung, Ngọc Chánh Phối Sư Đối, Thượng Chánh Phối Sư Thuộc và Ngọc Phối Sư Núi, với nội dung như sau:

“Vâng y mạng lịnh Đức Lý Giáo Tông số 26 ban ra ngày 4-10 - 25CD, Hội Thánh Bến Tre dưới quyền lãnh đạo của Đức Lý Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ban cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh thay mặt cho Hội Thánh Bến Tre, nơi Họ Đạo Hà Nội lãnh thêm phận sự đi thăm viếng đạo mấy vùng ngoại ô Hà Nội, được quyền sắp đặt ban cai quản nơi mấy chỗ có cần dùng. Chỗ nào có đạo đông thì được lập một tiểu thánh thất và lập ban cai quản có đủ giấy tờ gởi về Hội Thánh, được thay mặt cho Hội Thánh Bến Tre mà nhận lãnh những nhà đất và đồ từ khí của đạo hiến.

Phải có vi bằng và thông quy gởi về cho Hội Thánh phê chuẩn. kể từ ban truyền Đạo Lịnh này. Khuyên khá để trọn tắc lòng lo tròn phận sự”.

Hộ Pháp Phạm Công Tác đến Thánh Thất Hà Nội

Năm Canh Dần (1950) Hộ Pháp Phạm Công Tác có ghé qua Thánh Thất Hà Nội trong chuyến Bắc du. Cùng theo đoàn có các ông Cao Đức Trọng, Lê Thiện Phước... Khi xe của Hộ Pháp dừng trước cửa Thánh Thất Hà Nội, chiếu hoa đã trải sẵn sàng từ cổng vào tưới Bửu Điện ở tầng trệt. Sau khi đánh lễ ở Bửu Điện, trước mặt họ đạo Thánh Thất Hà Nội, Hộ Pháp kêu gọi mọi người hãy quy phục Hội Thánh Tây Ninh và nộp lại sổ bộ họ đạo của Thánh Thất Hà Nội cho Tây Ninh như một bằng chứng cụ thể về sự quy phục này.

Giáo Hữu Tô Văn Pho đáp lại rằng việc mở đạo Cao Đài ở miền Bắc là thực hành đúng huấn từ của Đức Cao Đài, như đã được ghi chép lại trong văn bản Thánh Ngôn Hiệp Tuyển do Tây Ninh xuất bản. Việc Hộ Pháp muốn cho Thánh Thất Hà Nội quy phục thì bản họ đạo sở tại không thể tự chuyên mà Hội Thánh Tây Ninh phải thương nghị cùng Hội Thánh Bến Tre.

Lời lẽ ấy khiến Hộ Pháp trước khi rời Thánh Thất đã nhận xét: “Nếu ai cũng như em thì Đạo không đến nổi...”.

Tin đồn đại

Ba hôm sau cuộc ghé thăm của Hộ Pháp, Họ Đạo Thánh Thất Hà Nội được tin đồn rằng sẽ có lệnh thu hồi lại biệt thự số 48 Hoà Mã. Bốn đại diện của Thánh Thất Hà Nội là Giáo Sư Thượng Tụng Thanh, Đầu Họ Đạo (Lê Tụng), Giáo Hữu Thượng Pho Thanh, Giáo Hữu Hương Tiếp (Bà Nguyễn Nguyệt Tiếp), và Chánh Trị Sự Trần Thị Ngọc (Berger) đến Phủ Thủ Hiến Bắc Việt (nay ở số 6 Ngô Quyền) để xin Thủ Hiến Nguyễn Ngọc Trí xác nhận tin đồn trên. Bấy giờ Chánh Văn Phòng của Ông Trí là Ông Mão đã tiếp đoàn. Ông khéo léo giải thích rằng có nhận được báo cáo cho biết hiện nay ở số 48 Hoà Mã không còn là nơi thờ phụng nữa nên chính quyền định thu hồi lại biệt thự. Nhưng nếu quả thực vẫn còn hoạt động của Thánh Thất thì sẽ huỷ bỏ lệnh thu hồi. Ông Mão khuyên mọi người an tâm trở về và quả thực sau đó mọi việc vẫn bình thường như trước²⁰.

5. ÔNG CAO TRIỀU PHÁT RA BẮC (1954)

Hiệp Định Genève

²⁰ Sau chuyến Bắc du của Hộ Pháp Phạm Công Tác tin đồn Cao Đài phái Tây Ninh ở Hà Nội có tăng lên nhanh, mà hầu hết là thanh niên vì được miễn quân dịch ! Ở phố Bà Triệu có một cơ sở của số tín đồ này. Khí thế rất sôi nổi nhưng đến khi Cách Mạng tiếp quản Thủ Đô (1954) những người mượn đạo trốn lính đã tự động bỏ đi.

Ngày 20-7-1954, Hội nghị Genève về Đông Dương kết thúc. Chiều ngày 10-10-1954, lúc ba giờ, Hà Nội hoàn toàn được tiếp quản. Ngay ngày này Ngân hàng Quốc gia Việt Nam đã tiến hành thu đổi tiền Đông Dương. Từ ngày 01-11-1954 các trường đại học bắt đầu hoạt động²¹.

Thánh thất Hà Nội trong tháng ngày này có chút thay đổi về nhân sự khi Giáo Sư Đầu Họ Đạo Thượng Tụng Thanh (ông nguyên trước là Phủ Lê Tụng) vắng mặt.

Ngày 28-8 Giáp Ngọ (thứ Sáu 24-9-1954) một Đạo Lệnh chung cho Văn Phòng Cứu Viện (số 231) và Văn Phòng Tổng Lý (số 173) có chữ ký của ba vị Chánh Phối Sư Thái Chung Thanh, Thượng Hoàng Thanh, Ngọc Biên Thanh và Giáo Sư Thái Ninh Thanh, chính thức tuyên bố Giáo Hữu Thượng Pho Thanh lãnh phận sự Quyền Đầu Họ Đạo Thánh Thất Trung Ương Hà Nội để thay thế Ông Đầu Họ Đạo Giáo Sư Thượng Tụng Thanh.

Ngày hôm say (25-9-1954), Giáo Sư Thái Ninh Thanh thay mặt Nội Viện có văn thư số 628 gửi cho Ba Cai Quản và Ban Trị Sự Thánh Thất Hà Nội như sau:

“Chư hiền hữu,

Do theo tờ phúc số 66 đề ngày 18-8-29 của chư hiền hữu xin cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh là Phó Đầu Họ Đạo trong thời kỳ vị Đầu Họ Đạo vắng mặt.

Hội Thánh xét thấy hiền hữu Giáo Hữu Thượng Pho Thanh là người thay mặt cho Hội Thánh để giúp Họ Đạo và để phổ độ người và Đạo tu hành nơi Bắc Việt. Nếu nay cử là Phó Đầu Họ Đạo thì không hợp với phận sự của người.

Nhưng nghĩ vì hoàn cảnh đặc biệt hiện thời, việc đạo nơi Thánh Thất không thể bỏ trống vị Đầu Họ Đạo được, nên Hội Thánh cũng tạm cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh là Quyền Đầu Họ Đạo nơi Thánh Thất Trung Ương Hà Nội cho đến khi cử được người thay thế thì Giáo Hữu Thượng Pho Thanh sẽ giao lại.

Khi tiếp được lại Đạo Lệnh chư hiền hữu hãy chọn ngày mời tất cả chức sắc chức việc tân và cựu và đạo hữu lưỡng phái hiệp nơi Thánh Thất đến chứng đàn cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh lập nguyện lãnh Đạo Lệnh.

Hội Thánh tin rằng chư hiền hữu vì việc chung này của Đạo sẽ ủng hộ giúp vừa cho Giáo Hữu Thượng Pho Thanh được làm tròn phận sự.

Thừa lệnh Hội Thánh, tôi xin chúc lành chư hiền hữu cùng Họ Đạo lưỡng phái.”

²¹ Hà Nội: Thủ Đô nước CHXHCN Việt Nam, Sự thật 1984, tr. 191.

Đất nước chia đôi nhưng Giáo Hữu Pho vẫn ở lại Hà Nội, củng cố mọi sinh hoạt của Thánh Thất trong lúc tình hình xã hội nhiều đổi thay, người di cư vào Nam, người từ nam tập kết ra Bắc. Trong cuối năm 1954, trong số các chức sắc Cao Đài lia quê hương Nam Bộ ra Hà Nội có:

- Đầu Sư phái Thái Nguyên Hiền Ngô
- Phối Sư phái Thượng Nguyễn Văn Khoan
- Giáo Sư phái Thượng Nguyễn Văn Khâm.

Các ông cùng đi với bậc đàn anh là Cao Triều Phát. Theo sự phân định của ông Pháp, Phối Sư Khoan về hành đạo ở Thánh Thất Hà Nội, Đầu Sư Ngô về Thánh Thất Thăng Long. Vai trò của ông Cao Triều Phát ở miền Bắc lúc ấy là Anh Cả, mà theo Tân Luật Cao Đài, đó chính là Giáo Tông.

Thân thế ông Cao Triều Phát (1889-1956)

Ông Cao Triều Phát sinh năm Kỷ Sửu (1889) tại Bạc Liêu. Thân phụ là Đốc Phủ Sứ Cao Minh Thạnh, thân mẫu là bà Tào Thị Cúc. Gia đình có sáu trai, hai gái. Ông là con thứ năm nhưng theo tập quán miền Nam gọi ông là thứ Sáu.

Ông học tiểu học ở tỉnh nhà rồi sâu lên Sài Gòn học trường trung học Chasseloup Laubat (nay là trường Lê Quý Đôn). Ông lập gia đình với Bà Châu Thị Tùng (sinh năm Ất Mão, 1915) và có được có gái là Cao Thị Bạch Liên, tức Cao Thị A, sinh năm Bính Tý (1936), và con trai là Cao Triều Khiết, tức Cao Triều Xê, sinh năm Ất Dậu (1945). Người con trai từ trần tại Hà Nội năm Canh Tý (1960).

Ông Phát thông qua đàn Minh Thiện của bác sĩ Trương Kế An ở tỉnh nhà trong khoảng 1929-1930 mà biết được đạo Cao Đài và đã nhập môn thời gian này.

Khoảng năm Tân Mùi (1931), ông cùng các ông Phan Văn Thiệu, Trần Đạo Quang lập phái Minh Chơn Đạo. Toà Thành Hậu Giang của phái này ở Giồng Bướm, Bạc Liêu.

Năm Giáp Tuất (1934), ông là Bảo Đạo, chương quản Hiệp Thiên Đài của Toà Thánh Hậu Giang. Tháng 6-1934, ông cùng các tôn giáo khác lập ra Hội Lý Đạo Công Đồng Giáo Lý tại Phước Long, Bạc Liêu.

Mùng 4 tháng Giêng Đinh Sửu (Chủ Nhật 14-02-1937), đàn tại Toà Thánh Hậu Giang, Đức Cao Đài dạy ông Trần Đạo Quang và ông Cao Triều Phát ngày Rằm tháng 02 Đinh Sửu phải ra tỉnh Quảng Nam. Ông Quang giúp cho bổn đạo Minh Sư quy hiệp Cao Đài.

Ông Phát hiệp cùng ông Lê Trí Hiến vận động chánh quyền không làm cản trở việc hành đạo của Cao Đài miền Trung.

Trong giai đoạn tích cực truyền bá đạo Cao Đài miền Hậu giang, ông Phát bị Pháp bắt giam ở khám lớn đường La Grandière, nhà riêng bị lục soát, kinh sách bị tịch thu chở đi. Sau đó ông bị Pháp đưa về Bạc Liêu quản chế trong nhiều năm.

Năm Tân Tỵ (1941), ông Phát là Chủ tịch Cao Đài Mười hai Phái Thống Nhất ở miền Hậu Giang.

Năm Ất Dậu (1945), trong giai đoạn lịch sử rối ren, Nhật hất chân Pháp ở Việt Nam, một đại hội Cao Đài tổ chức tại chùa Minh Tân (Tam Giáo Điện) số 221 Bến Vân Đồn (Quai de la Maine) làng Vĩnh Hội, quận 4, Sài Gòn, ông Phát được bầu làm Chủ tịch Cao Đài Mười Một Phái Hiệp Nhất (không có phái Tây Ninh). Khi Nhật bại trận, Pháp trở lại Việt Nam, ông Phát tham gia kháng chiến, lập Thanh Niên Đạo Đức Đoàn, quy tụ tuổi trẻ Cao Đài làm công tác xã hội cứu giúp đồng bào, học hỏi giáo lý Cao Đài, đồng thời đây còn là lực lượng kháng chiến quân nhằm bảo vệ các vùng dân cư tập trung tin đồ Cao Đài trước sự bố ráp, càn quét thường xuyên của Pháp. (Khi chiến trường Giồng Bướm nổ ra, trước vũ trang tinh nhuệ của Pháp, lực lượng vũ trang thô sơ phải chịu thua, toàn bộ lực lượng Cao Đài kháng chiến và tín đồ ở đây trở thành nạn nhân cuộc thảm sát dã man của lính Pháp!).

Năm Đinh Hợi (1947), ông Phát được bầu làm Hội Trưởng Cao Đài Cứu Quốc Mười Một Phái Hiệp Nhất. Ngày Thương Binh Liệt Sĩ 27-7-1948, Chủ Tịch Hồ Chí Minh tặng thương binh chiếc áo lụa do thanh niên xã Bào Quang, tỉnh Bắc Giang biếu Hồ Chủ Tịch. Một cuộc đấu giá được tổ chức để gây quỹ thương binh. Liên Hiệp Công Đoàn tỉnh Bắc Kạn mua được áo lụa với giá 46.700 đồng. Ngày 24-8-1948, Liên Hiệp Công Đoàn tỉnh Bắc Kạn nhận được điện văn từ Nam của ông Cao Triều Phát xin mua lại áo ấy với giá 100.000 đồng, là số tiền của gia đình họ Cao và tín đồ Cao Đài Hậu Giang góp lại (lúc ấy một đồng mua được khoảng bốn hay năm gạ lúa).

Ông Bùi Thái Dương, thay mặt Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam gửi vào nam lá thư sau:

“Kính gửi Cụ Cao Triều Phát,

Được tin, chúng tôi xiết nỗi vui mừng và đồng ý cùng Liên Hiệp Công Đoàn Bắc Kạn kính gửi biếu Cụ chiếc áo đó để tỏ lòng hâm mộ vị lão thành đã cùng lao động, chiến đấu không những trong nước, mà ngay lúc còn ở Pháp, và tình đoàn kết kháng chiến để **chia** cùng Cụ niềm hân hạnh được giữ gìn chiếc áo của vị lãnh tụ tối cao của dân tộc.

Thưa Cụ, vượt ngàn dặm từ Bắc và Nam, chúng tôi có trách nhiệm mang vào hầu Cụ lá thư và chiếc ảnh của Hồ Chủ Tịch tặng Cụ. Lòng Người lúc nào cũng nghĩ đến Cụ tuy ngàn trùng xa cách...”.

Trong kháng chiến, Đạo hội Nhơn sanh mười hai phái hợp nhất ngày 12-9 Mậu Tý (thứ Năm 14-10-1948) ở Đồng Tháp Mười đã bầu ông Cao Triều Phát làm Giáo Tông, tuy nhiên, ông chưa nhận lãnh chức phận cao cả này vì còn đang bận tham gia kháng chiến. (Thiên phục Giáo Tông của ông đã may rồi). Lúc này Cao Đài Mười Một Phái Hợp Nhất (thành lập năm Ất Dậu - 1945) đổi tên mới là: Cao Đài Mười Hai Hiệp Nhất (bởi vì có ông Hoàng Minh Viễn tham gia với tư cách đại biểu của phái Tây Ninh).

Sau Hiệp định Genève 20-7-1954, gia đình ông Phát và một số chức sắc tập kết ra Bắc vào cuối năm này. Bà Châu Thị Tùng và hai con đi tàu thủy. Chặng lộ trình đầu do hải quân Pháp vận chuyển, sau đó chuyển sang tàu hải quân Liên Xô. Ông Phát đi từ Cà Mau ra Ngã Bảy Cần Thơ, ra sân bay Sóc Trăng, đến sân bay Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn, sau đó bay thẳng ra Bắc. Lúc đầu ông được bố trí ở số 61 phố Tràng Thi là Nhà Khách của Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt nam. Sau dời về số 26 phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

Ông Phát đã sớm ghé Thánh Thất Hà Nội lo việc đạo. Ngày mùng 1 Tết Ất Mùi (thứ Hai 24-01-1955) ông Phát long trọng tổ chức tại Thánh Thất Hà Nội lễ giới thiệu đạo Cao Đài với nhân dân và chính quyền các cấp Thủ Đô Hà Nội. Dĩ nhiên có Mặt Trận Tổ Quốc dự (nhưng không mời đại biểu các tôn giáo khác). Hôm ấy hai bên phố Hoà Mã không còn chỗ để đậu ô tô của quan khách các nơi.

Giáo Tông Cao Triều Phát (1955)

Sau cuộc lễ đó, ông Phát coi như chính thức đảm nhiệm vai trò Anh Cả của toàn đạo miền Bắc; Ông Phát đổi tên Cao Đài Cứu Quốc Mười hai Phái Hợp Nhất thành Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nửa tháng sau lễ ra mắt chính thức với Thủ Đô Hà Nội của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, ông Cao Triều Phát đã có một Đạo Lệnh số 02 như sau:

Đạo Lệnh

HỘI THÁNH DUY NHẤT ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Cao Đài Cứu Quốc 12 Phái Hợp Nhất)

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Xét vì đại hội nhơn sanh mười hai phái đạo họp ngày 14-10-1948 ở Đồng Tháp Mười đã bầu lên Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất để đảm nhận những quyền tối cao của vị Giáo Tông quy định trong Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Xét vì Thượng Hội dưới quyền chủ tọa của Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất có thẩm quyền phong thưởng chức sắc cho mười hai phái Đạo trong hàng ngũ Cao Đài Cứu Quốc đã giữ vững chơn truyền của Đại Đạo và đã tham gia cứu nước và kiến thiết nước nhà, Chiếu y chương trình hành đạo được Khoáng Đại Hội Nghị Cao Đài Cứu Quốc Nam Bộ thông qua ngày 14-10-1948.

RA ĐẠO LỊNH

Điều thứ nhất

- a. Hiền hữu Đầu Họ Đạo, hiền hữu Chánh Hội Trưởng Ban Cai Quản Thánh Thất Trung Ương Hà Nội thuộc phái Ban Chính Đạo và các Ban Trị Sự trực thuộc,
 - b. Hiền hữu Đầu Tộc Đạo, hiền hữu Chánh Hội Trưởng Ban Cai Quản Thánh Thất Thăng Long thuộc phái Toà Thánh Tây Ninh và các Ban Trị Sự trực thuộc.
- Đoàn kết hợp tác với nhau đi các nơi củng cố hàng ngũ tín đồ, trấn tĩnh tin thần bốn đạo ở Thủ Đô và các tỉnh.

Điều thứ hai

Vị Giáo Hữu Thượng Pho Thanh và vị Lễ Sanh Thái Thái Thái Thanh, mỗi người tùy theo phận sự, chiếu đạo lệnh thi hành.

Thủ Đô Hà Nội, ngày 14 tháng Giêng Âm lịch năm Ất Mùi (06-02-1955).

Anh Cả

Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Cao Đài Cứu Quốc 12 Phái Hợp Nhất)

Cao Triều Phát

(Chữ ký và con dấu).

Có lẽ văn bản lịch sử ấy là chứng tích cho thấy lần đầu tiên trong lịch sử đạo Cao Đài, ở miền Bắc đã thực hiện được tinh thần hiệp nhất phái chi, tinh thần Cao Triều Phát !

Trong thời gian kể từ ông Cao Triều Phát đảm nhiệm Giáo Tông ở miền Bắc, cho đến giữa năm 1975, ở miền Bắc không có hình thức chi phái nữa. Nhưng sau ngày đất nước thống nhất, các thánh thất trực thuộc Toà Thánh Tây Ninh, mà Thánh Thất Hải Phòng là một điển hình cụ thể (xem ảnh chụp cổng ngoài của Thánh Thất Hải Phòng).

Giáo Tông Cao Triều Phát quy tiên (1956)

đường kính 3,5cm, gồm hai vòng đồng tâm. Vòng ngoài viết: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Miền Bắc. Vòng trong gồm một hàng ngang viết: Cao Đài Giáo.

Khi ông Cao Triều Phát còn tại thế, trong lúc tiếp xúc với các đoàn thể hay liên giao với các tôn giáo bạn, ông Tô Văn Pho thường được vị Giáo Tông miền Bắc giới thiệu với mọi người là Giáo Sư. (Lúc ấy, đất nước chia đôi, không liên lạc được với Hội Thánh trong Nam nên từ sau Genève, ở Hà Nội việc công cử hay thăng thưởng chức sắc bị ngưng lại).

Hà Nội thời kỳ chiến tranh 1965-1974

Từ tháng 4-1966, Hà Nội đã ở trong tình thế trực tiếp chiến đấu chống lại các cuộc ném bom của không quân Mỹ. Sau lần đầu tiên ném bom ở Văn Điển, các cuộc không tập gia tăng dần mà nhiều khu ở nội thành Hà Nội cũng nằm trong các mục tiêu của máy bay Mỹ²².

Hà Nội lại sơ tán. Họ Đạo Thánh Thất Hà Nội đều theo lệnh sơ tán của chính phủ. Duy chỉ có Giáo Sư Tô Văn Pho kiên quyết trụ lại để bảo vệ ngôi Thánh Thất. Trong hàng chục năm dưới mưa bom ở Hà Nội, ông Pho tham gia công tác Chử Thập Đò với cương vị Chủ Tịch Quận Hội Chử Thập Đò ở quận Hai Bà Trưng. Ông còn công tác trong Ban Vận Động Xoá Nạn Mù Chử, tham gia đào hầm trú bom, khi bom dứt lại xông xáo với việc tải thương, đào bới nhà cửa đổ nát để tìm xác nạn nhân, lo tắm liệm để đem đi đến nơi an táng.

Trận ném bom Phố Huế (tháng 8-1967)

Buổi sáng hôm đó, ông Tô Văn Pho đạp xe ra Phố Huế họp về công tác giáo dục thì một cán bộ Phòng Giáo Dục ở khu phố Hai Bà Trưng, nay là quận Hai Bà Trưng, vội vã tìm đến mời ông về ngay văn phòng của Phòng Giáo Dục đặt ở số 30 phố Lê Đại hành để họp.

Ông Pho vừa đạp xe đến cửa văn phòng thì Phố Huế, nơi ông mới rời chân xong, đã rung chuyển dữ dội vì một trận bom khủng khiếp dội xuống. Bỏ cả họp, ông chạy ngược lại Phố Huế làm nhiệm vụ của người công tác Chử Thập Đò. Đến nơi, khung cảnh thật tang thương, hầu hết nhà cửa đều chỉ còn là mớ gạch vụn sạm đen và bốc mùi chết chóc. Bị thương 90 người, chết 35.

Việc đầu tiên, ông Pho cứu người bị thương, sơ cứu để chuyển nạn nhân về tuyến hai chăm sóc trước khi đem đến bệnh viện. Sau đó moi móc, đào bới trong chốn hoang tàn để tìm mọi cách lấy được xác, mà có những cái không còn nguyên vẹn. Ông phải mất

²² Hà Nội: Thủ Đô Nước Cộng Hoà XHCN Việt Nam, Sự Thật 1984, tr.213, 215, 216, 220.

nhiều thì giờ truy tìm tên tuổi, địa chỉ nạn nhân. Thân nhân người chết sau này nhờ đó tìm được dấu tích người bạc mệnh, họ hết sức tri ân và tán thành lòng nhân từ và tận tụy của ông Pho. Khi việc tẩm liệm xong xuôi, ông bàn giao lại cho toán xe đưa thi hài về Nghĩa trang Văn Điển, cách Hà Nội khoảng mười hai cây số (nay nơi đây đã có được lò hỏa táng). Ông lo chu toàn hết mọi sự thì đã mười giờ đêm.

Những việc là tận tụy quên mình đó đã lan xa, và kể từ khi Hà Nội bắt đầu bị ném bom cho đến khi Mỹ ngừng ném bom, tên tuổi ông Pho đã được mọi giới ở Hà Thành ngưỡng kính, khâm phục. Cũng chính trận Phố Huế dữ dội ấy đã càng làm tăng thanh danh của người tín đồ Cao Đài Nam Bộ này. Buổi sáng sau trận Phố Huế, xe của Phủ Chủ tịch đã đến Thánh Thất Hoà Mã rước ông vào gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hồ Chủ tịch đã tiếp ông, tặng huy hiệu Bác Hồ, và không tiếc lời khen ngợi.

Tháng 4-1968, Mỹ ngừng ném bom Hà Nội²³, nhưng rồi sau đó bốn năm, Hà Nội lại hứng chịu những trận bom ác liệt nhất, chưa từng có trong lịch sử. Từ ngày 18-12-1972, một lực lượng lớn máy bay B52 đã liên tục mười hai ngày đêm trút bom xuống nhiều mục tiêu ở nội và ngoại thành. Nhiều khu phố như Khâm Thiên, An Dương, thị trấn, thôn xóm, nhà ga Hà Nội, kho tàng, trường học, bệnh viện Bạch Mai... đã nằm trong mục tiêu huỷ diệt²⁴. Thánh Thất Hà Nội, dù chỉ còn một người là Giáo Sư Pho gìn giữ, đã vũng vàng trải qua binh lửa mà tồn tại.

Năm 1971 xảy ra trận lũ lụt lớn hàng trăm năm chưa từng có²⁵. Lúc bấy giờ, tham gia công tác hộ đê và chống lụt, ông Pho đã sáng suốt đơn phương tìm cách cứu một làng hơn hai trăm dân bên kia sông Hồng vào lúc chập tối, khi nước sông Hồng dâng quá nhanh, dân chúng không thoát được, đã trèo lên mái nhà mà nước đã mấp mé, chỉ còn đợi số mạng !

Ông Pho đã mạnh dạn trái lệnh một cán bộ cấp trên khi thấy tình thế đã nguy kịch mà người chỉ huy của ông vì tắc trách sẽ gây một thảm kịch. Ông vội cho điều hết phương tiện chuyên chở từ bên này bờ sang bên kia sông Hồng và kịp thời cứu sống hơn hai trăm mạng người già trẻ lớn bé.

Một số dữ liệu khác về Giáo Sư Pho

Kể từ tháng 12-1956 về sau:

- Đại biểu chính thức của Cao Đài Giáo miền Bắc trong Mặt Trận Tổ Quốc Thành phố Hà Nội, là uỷ viên Mặt trận.
- Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc quận Hai Bà Trưng.

²³ Hà Nội: Thủ Đô Nước Cộng Hoà XHCN Việt Nam, Sự Thật 1984, tr.213, 215, 216, 220

^{24,25} Hà Nội: Thủ Đô Nước Cộng Hoà XHCN Việt Nam, Sự Thật 1984, tr.213, 215, 216, 220

- Chủ tịch Quận Hội Chữ Thập Đỏ quận Hai Bà Trưng. Sau khi hoà bình (1975), ông xin giữ cương vị Phó Chủ tịch vì lẽ tuổi đã cao và còn muốn dành nhiều thì giờ để tập trung làm đạo.

Khen thưởng liên quan đến Bến Tre và ông Pho

- Thủ Tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng, Nghị định số 420A-TTg ngày 08-12-1954, thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì cho Ban Chính Đạo Cao Đài Bến Tre.

- Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh, Quyết định số 807/HĐNN ngày 16-12-1985 tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất cho Giáo Sư Đầu Họ Đạo Tô Văn Pho.

- Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Nguyễn Hữu Thọ tặng Huy chương Vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân cho Giáo sư Tô Văn Pho, Đầu Đạo Cao Đài Thủ Đô Hà Nội, ngày 19-5-1990.

- Chủ tịch Hội Chữ Thập Đỏ Việt nam, Giáo sư Nguyễn Trọng Nhân, Quyết định số 500-CTĐ tặng Giáo sư Tô Văn Pho Huy chương Vì sự nghiệp Chữ Thập Đỏ Việt Nam, 01-11-1991.

- Ngày 28-10 Tân Mùi (thứ ba ngày 03-12-1991), Đạo Linh số 05/HT/ĐL của Hội Thánh Bến Tre thăng Phối Sư Thượng Pho thanh lên phẩm vị Chánh Phối Sư phái Thượng.

Trong số chức sắc Thánh Thất Hà Nội bên nữ phái có một khuôn mặt đáng chú ý là Giáo Sư Ngô Thị Bình, người đã gắn bó với Thánh Thất và Họ Đạo.

GIÁO SƯ NGÔ THỊ BÌNH

Cô Ngô Thị Bình sinh ngày 13-11 Tân Mùi (thứ Hai 21-12-1931 tại Hà Nội. Thân phụ là ông Ngô Đình Công (Quý Mão 1903 - Nhâm Tý 1912). Thân phụ cô làm nghề sửa đồng hồ. Cô là chị cả trong gia đình có tám chị em. Trong gia đình cô có bà con sùng tín việc đi lễ ở các đền, theo tín ngưỡng đạo giáo phổ biến trên đất Bắc. Tuy nhiên thân sinh cô rất tôn trọng tự do tín ngưỡng của con gái, cả bà nội và cha mẹ cô đều tích cực trợ giúp cô tìm đúng đường lối tu hành cho riêng cô. Và khi cô đã nhập môn đạo Cao Đài rồi thì trọn gia đình cũng đều nối tiếp bước đi mở đường của cô, đều trở thành tín đồ Cao Đài.

Bắt đầu từ Rằm tháng Giêng Canh Dần (thứ Sáu 03-3-1950), khi cô đang làm giáo viên trường Nữ Công Gia Định, cô bỗng dưng gây rộc cả người, không hiểu nguyên nhân. Bác sĩ Tuấn là người quen của gia đình khuyên thân sinh cô hãy thử đưa cô đi lễ các đền, nhưng không kết quả. Mùng 1-4 (thứ Tư 17-5) cô bắt đầu dọn một nơi tụng kinh Phật ở nhà mặc dù không ai trong nhà cô theo đạo Phật.

Buổi sáng cô vẫn đi dạy bình thường, nhưng tan lớp về nhà thì trở nên trầm lặng. Nhiều sự việc khó giải thích tiếp theo là cô bỗng dưng có ý hướng cầu đạo. Theo lời thân thích, gia đình cô cho cô thử đội bát nhang (Rằm tháng 7), đi trình đồng (20-8 Canh Dần)... Ở đền Vọng Tiên, cô được Thánh Mẫu dạy: “Ta truyền lệnh cho họ Ngô, tuổi 20 này không phải là người của Mẫu, Ta không nhận. Không phải người của Phật, không cho cạo đầu. Là người của Ngọc Hoàng Thượng Đế, tìm đâu có Ngọc Hoàng Thượng Đế thì trả về”.

Mùng 9-9 (thứ Năm 19-10) cô phát tâm ăn chay trường luôn cho tới nay. Đêm 16-9 (thứ năm 26-10) cô mơ thấy một bàn thờ cách sắp đặt hoa quả, rượu trà, bát hương khác hơn những cách bài trí mà cô đã gặp ở các đền chùa. Bà nội cô cũng có giấc mơ tương tự.

Ngày 16-11 (Chủ Nhật 24-12), một người trong họ hàng đưa cô đến Trung Tự, nhưng cô cũng không có duyên để quy y cửa Phật. Trên đường về tỉnh cờ cô đi qua số 48 Hoà Mã, hành động như bị vô thức điều khiển, cô tự động đẩy cánh cổng khép hờ rồi đi vào xin thắp hương. Chính hôm đó cô đã bàng hoàng sững sốt không còn tin vào mắt mình khi thấy rõ Thiên Bàn Bửu Điện Thánh Thất Hà Nội chính là bàn thờ cô được nhìn thấy trong giấc mơ. Cô hỏi ông Tô Văn Pho nơi đây thờ ai và khi được biết Thánh Thất thời Trời, thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế với tá danh Cao Đài Tiên ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, cô Bình nhận thấy rằng cô đã về đúng mái nhà tiền định của mình. Vì lời dạy của Thánh Mẫu ở đền Vọng Tiên vài tháng trước đó vẫn còn văng vẳng bên tai cô: Là người của Ngọc Hoàng Thượng Đế, tìm đâu có Ngọc Hoàng Thượng Đế thì trả về.

Một giấc mơ khác sau đó chỉ dẫn cô phải nhập môn ngày 12 tháng 12 năm Canh Dần. Thánh Thất Hà Nội lúc đầu không chấp nhận, vì thông lệ chỉ làm lễ nhập môn trong ngày sóc vọng (Rằm và mùng 1). Thân phụ cô khéo léo nói thác rằng ở nhà coi bói, được khuyên rằng nếu cô muốn đi tu trọn vẹn thì hãy trọn ngày ấy. Vì lẽ gia đình hết sức khẩn cầu, cuối cùng Thánh Thất Hà Nội nhượng bộ cho trường hợp hi hữu này.

Giờ Ngọ ngày 12 tháng Chạp Canh Dần (thứ Sáu 19-01-1951) lễ nhập môn của cô tổ chức tại Bửu Điện Thánh Thất Hà Nội. Vì không đúng đàn lệ hàng tháng nên tín đồ các nơi không quy tụ đến cúng đông đảo như mọi dịp khác. Chỉ vòn vẹn mười hai người hành lễ, trong đó chứng đàn là Giáo Hữu Tô Văn Pho. Các chức sắc khác như Giáo Hữu Lê Văn Thung, Giáo Hữu Trần Văn Đường. Bảo Đàn Nguyễn Văn Hiền. Nữ phái có Giáo Hữu Nguyễn Nguyệt Tiếp.

Cô đã từ khước một lời cầu hôn trong năm này và chọn con đường hiến thân hành đạo. Rằm tháng 2 Tân Mão, lễ Vía Đức Thái Thượng Đạo Tổ là lúc cô Bình ly gia nhập thánh thất. Cô chịu nhiều sự khải đảo thử thách vì ông Thung và gia đình ông có biến

tâm, muốn đoạt thánh thất, nhưng vẫn kiên trì trụ lại. Ngoài giờ đi dạy cô lại trở về nếp sống một nữ tu. Cô rời trường phổ thông cơ sở Đoàn Kết năm 1982 để nghỉ hưu. Nổi tiếng trong giáo giới địa phương là giáo viên dạy giỏi, ba lần được Công đoàn các ngành giáo dục bầu chọn là Chiến sỹ thi đua vì yêu nghề, mến trẻ, tận tụy dìu dắt các giáo viên mới vào nghề, chia sẻ kinh nghiệm đứng lớp, soạn bài của người chị đi trước đối với thế hệ tiếp nối.

Khi đất nước thống nhất, hai miền nối lại liên lạc, Hội Thánh Bến Tre yêu cầu Thánh Thất Hà Nội xét công hạnh để thăng thưởng một số tín đồ, việc này đã gián đoạn từ sau Genève. Năm Bính Thìn có năm người được phong Lễ Sanh nữ phái: Ngô Thị Bình, Trần Thị Tân, Phạm Thị Miên, Bùi Nguyệt Hiện và Tô Thị Chi. (Nam phái không có ai).

Tháng 5-1982 Lễ Sanh Ngô Thị Bình vào thành phố Hồ Chí Minh để chuyển cho Hội Thánh Huân Chương do Chính phủ tặng Hội Thánh. Tại Thánh Thất Đô Thành số 414/30 đường Hậu Giang, quận 6, giờ Tý đêm 25 rạng 26-5 Nhâm Tuất (thứ Năm 15-thứ Sáu 16-7-1982), trong dịp lễ sinh nhật Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Lễ Sanh Hương Bình làm lễ bái mạng nhẫn chức Giáo Giáo Hữu. Cũng tại Thánh Thất Đô Thành, tháng 4 Kỷ Ty (tháng 5-1989), cô Ngô Thị Bình bái mạng nhận chức Giáo Sư nữ phái Thánh Thất Thủ Đô Hà Nội.

Năm 1993, số tín đồ ở Thánh Thất Hà Nội khoảng bốn trăm người (cả Thủ Đô khoảng một ngàn ?). Số người giữ trường trai khoảng hai mươi người. Số tín đồ tuổi dưới 40 khoảng mười người. Có mười tín đồ vừa sinh hoạt Đảng vừa vẫn hành đạo tại Thánh Thất. Từ năm 1957 đến nay Thánh Thất Hà Nội đã mười bốn lần tu sửa.

Ban Cai Quản

- Chánh Hội Trưởng: Thái Lễ Sanh Đặng Văn An.
- Phó Hội Trưởng: Lễ Sanh Soạn.

Ban Trị Sự nam:

- Chánh Trị Sự: Ông Nguyễn Thế Độ
- Phó Trị Sự: Ông Nguyễn Văn Sự
- Thông Sự: Ông Nguyễn Hồng Duy.

Ban Trị Sự Nữ:

- Chánh Trị Sự: Bà Ý
- Phó Trị Sự: Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thông Sự: Bà Nguyễn Thị Chiến.

Thánh Thất Hà Nội có bốn phòng và hai ban. Ban Cai Quản đứng đầu bốn phòng:

- Phòng Thơ: còn khuyết
- Phòng Công: Ông Lê Văn Sáu
- Phòng Lễ: Thượng Lễ Sanh Nguyễn Văn Soạn.
- Phòng Lương: Giáo Sư Ngô Thị Bình.

Hai ban là:

- Ban Phở Độ: Lễ Sanh Đỗ Thị Giá, Trưởng Ban
- Ban Hành Thiện: Lễ Sanh Nguyễn Thị Quý, Trưởng Ban.

Để khỏi hiểu lầm với khái niệm “họ đạo” bên Thiên Chúa Giáo, thay vì gọi Họ Đạo, Thánh Thất Hà Nội dùng tên gọi Ban Đầu Đạo, gồm có:

- Đầu Đạo: Phối Sư Tô Văn Pho
- Ba Phó Ban:
 1. Ngọc Giáo Hữu Đặng Đình Tư
 2. Ngọc Giáo Hữu Nguyễn Văn Lịch
 3. Giáo Sư Ngô Thị Bình, chuyên trách nữ phái.

Nhìn qua lớp hướng đạo tuổi đã cao, số tin đồ trên lớp trung niên và sinh hoạt còn tập trung ở nghi lễ cúng kính, thăm viếng giao tế trong Họ Đạo... điều không nói, nhưng qua nét ưu tư trên vẻ mặt của Phối Sư Pho và Giáo Sư Hương Bình, có lẽ niềm khắc khoải của những con chim đầu đàn này cũng dễ dàng đọc được. Đó là sự kỳ vọng vào một thế hệ tiếp nối, trẻ và khoẻ để phát triển Thánh Thất trong thời hoà bình thống nhất.

Trước ngày Khai Minh Đại Đạo Quý Dậu Thứ Sáu 26/11/1993.